ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:715 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 12 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 08/10/2007 của UBND tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt Quy hoạch ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội khoá XV kỳ họp thứ ba về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 06/5/2022 của Chính phủ về thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành và một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030; về việc hoàn thiện thủ tục, hồ sơ trình một số dự án luật;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/8/2022 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Kết luận số 1229-KL/TU ngày 29/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tại kỳ họp chuyên đề về lĩnh vực kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày

10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn Đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 95/TTr-SNN ngày 10/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh khoản 7, khoản 8 Điều 1 Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 08/10/2007 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt quy hoạch ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn (được điều chỉnh ranh giới quy hoạch ba loại rừng tại các Quyết định của UBND tỉnh: số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020; số 1465/QĐ-UBND ngày 01/8/2020; số 1607/QĐ-UBND ngày 10/10/2022; số 211/QĐ-UBND ngày 15/02/2023; số 322/QĐ-UBND ngày 28/02/2023), như sau:

1. Điều chỉnh 1,08 ha đất rừng phòng hộ ra ngoài ranh giới quy hoạch ba loại rừng, cụ thể như sau:

a) Huyện Đình Lập: 0,92 ha (xã Bắc Lãng 0,92 ha).

b) Huyện Cao Lộc: 0,16 ha (thị trấn Đồng Đăng 0,16 ha).

Diện tích đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 sau điều chỉnh tại Quyết định này là 103.324,997 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 73.973,706 ha, chiếm 71,59% tổng diện tích đất rừng phòng hộ; diện tích đất chưa có rừng 29.351,291 ha chiếm 28,41% tổng diện tích đất rừng phòng hộ.

2. Điều chỉnh 116,102 ha đất rừng sản xuất, trong đó có 90,487 ha đất có rừng và 25,615 ha đất trống chưa có rừng ra ngoài ranh giới quy hoạch ba loại rừng, cụ thể tại các địa bàn như sau:

a) Huyện Hữu Lũng: 24,226 ha (xã Hồ Sơn 7,076 ha, xã Hòa Thắng 5,91 ha, xã Đồng Tân 8,02 ha, xã Cai Kinh 2,28 ha, xã Minh Sơn 0,94 ha).

b) Huyện Bắc Sơn: 7,676 ha (xã Tân Tri 7,676 ha).

c) Huyện Tràng Định: 2,21 ha (xã Đề Thám 1,73 ha, xã Kháng Chiến 0,48ha).

d) Huyện Cao Lộc: 13,10 ha (xã Bảo Lâm 5,20 ha, xã Yên Trạch 7,90 ha).

đ) Thành phố Lạng Sơn: 27,68 ha (xã Hoàng Đồng 1,01 ha, xã Quảng Lạc 26,67 ha).

e) Huyện Văn Quan: 0,60 ha (xã Điềm He 0,60 ha).

g) Huyện Đình Lập: 35,37 ha (thị trấn Đình Lập 0,03 ha, xã Bắc Lãng 35,34ha).

h) Huyện Bình Gia: 5,24 ha (thị trấn Bình Gia 0,07 ha, xã Hồng Phong 5,17ha).

Diện tích đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 sau điều chỉnh tại Quyết định này là 499.857,675 ha, trong đó diện tích đất có rừng là

410.742,363 ha, chiếm 82,17% tổng diện tích đất rừng sản xuất; diện tích đất chưa có rừng là 89.115,312 ha, chiếm 17,83% tổng diện tích đất rừng sản xuất.

3. Lý do điều chỉnh

Điều chỉnh 117,182 ha diện tích đất trong ranh giới quy hoạch ba loại rừng (1,08 ha đất rừng phòng hộ và 116,102 ha đất rừng sản xuất) ra ngoài ranh giới quy hoạch ba loại rừng để thực hiện một số dự án trọng điểm, cấp bách, có tính chất lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn *(chi tiết các dự án điều chỉnh diện tích ra ngoài ranh giới quy hoạch ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn tại Biểu kèm theo)*.

4. Cơ cấu và diện tích ba loại rừng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 sau điều chỉnh tại Quyết định này như sau: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 616.295,362 ha, chiếm 74,16% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Cơ cấu 3 loại rừng: rừng đặc dụng 13.112,69 ha chiếm 2,13%, rừng phòng hộ 103.324,997 ha chiếm 16,76%, rừng sản xuất 499.857,675 ha chiếm 81,11%, cụ thể như sau:

a) Diện tích và cơ cấu ba loại rừng huyện Văn Quan sau điều chỉnh: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 36.752,50 ha, trong đó: rừng đặc dụng 1.090,63 ha, rừng phòng hộ 6.349,86 ha, rừng sản xuất 29.312,01 ha.

b) Diện tích và cơ cấu ba loại rừng huyện Đình Lập sau điều chỉnh: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 109.574,105 ha, trong đó: rừng phòng hộ 22.630,68 ha, rừng sản xuất 86.943,425 ha.

c) Diện tích và cơ cấu ba loại rừng thành phố Lạng Sơn sau điều chỉnh: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 3.610,369 ha, trong đó: rừng phòng hộ 876,657 ha, rừng sản xuất 2.733,712 ha.

d) Diện tích và cơ cấu ba loại rừng huyện Tràng Định sau điều chỉnh: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 83.324,35 ha, trong đó: rừng phòng hộ 12.413,79 ha, rừng sản xuất 70.910,56 ha.

e) Diện tích và cơ cấu ba loại rừng huyện Cao Lộc sau điều chỉnh: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 43.712,511 ha, trong đó: rừng đặc dụng 1.670,03 ha, rừng phòng hộ 8.495,04 ha, rừng sản xuất 33.547,441 ha.

g) Diện tích và cơ cấu ba loại rừng huyện Hữu Lũng sau điều chỉnh: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 39.268,294 ha, trong đó: rừng đặc dụng 6.914,79 ha, rừng phòng hộ 12.618,33 ha, rừng sản xuất 19.735,174 ha.

h) Diện tích và cơ cấu ba loại rừng huyện Bắc Sơn sau điều chỉnh: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 50.930,174 ha, trong đó: rừng đặc dụng 936,75 ha, rừng phòng hộ 11.309,23 ha, rừng sản xuất 38.684,194 ha.

i) Diện tích và cơ cấu ba loại rừng huyện Bình Gia sau điều chỉnh: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 94.145,92 ha, trong đó: rừng phòng hộ 9.947,28 ha, rừng sản xuất 84.198,64 ha.

5. Vị trí điều chỉnh ranh giới quy hoạch ba loại rừng tại các xã: Bắc Lãng, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập; xã Bảo Lâm, xã Yên Trạch, Thị trấn Đồng

Đăng, huyện Cao Lộc; xã Hồ Sơn, xã Hòa Thắng, xã Đồng Tân, xã Cai Kinh, xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng; xã Tân Tri, huyện Bắc Sơn; xã Đề Thám, xã Kháng Chiến, huyện Tràng Định; xã Hoàng Đồng, xã Quảng Lạc, thành phố Lạng Sơn; xã Điềm He, huyện Văn Quan; xã Hồng Phong, thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia được xác định cụ thể trên hệ thống Bản đồ và Báo cáo thuyết minh, phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các nội dung khác không đề cập tại Quyết định này giữ nguyên theo các Quyết định của UBND tỉnh Lạng Sơn: số 1833/QĐ-UBND ngày 08/10/2007 về việc phê duyệt quy hoạch ba loại loại rừng tỉnh Lạng Sơn; số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 về việc phê duyệt Đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030; số 1465/QĐ-UBND ngày 01/8/2020 về việc điều chỉnh Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt Đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030; số 1607/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 về việc điều chỉnh Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 08/10/2007 của UBND tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt quy hoạch ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn; số 211/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 08/10/2007 của UBND tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt Quy hoạch ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn; số 322/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 08/10/2007 của UBND tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt Quy hoạch ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh